

Số: /QĐ-SVHTT Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán điều chỉnh tiết kiệm 10% từ nguồn thu phí để lại năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định một số điều của luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 5917/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-SVHTT ngày 31/12/2025 của Sở Văn hoá và Thể thao về việc giao dự toán điều chỉnh tiết kiệm 10% từ nguồn thu phí để lại năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giao dự toán điều chỉnh tiết kiệm 10% từ nguồn thu phí để lại năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ.

(Theo biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn Phòng, Trưởng các phòng Quản lý Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc Sở;
- Website của Sở;
- Lưu: VT, VP_(PChi).

GIÁM ĐỐC

Phạm Tuấn Long

CÔNG KHAI GIAO DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH TIẾT KIỆM 10% TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI NĂM 2025
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP NGÀY 13/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SVHTT ngày / /2025 của Sở Văn hoá và Thể thao)

Đvt: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Quyết định số 6514/QĐ-UBND ngày 30/12/2025					Số VH TT điều chỉnh dự toán đã giao tiết kiệm			Chi tiết các đơn vị											
		Dự toán từ nguồn thu phí để lại giao đầu năm 2025	Số tiết kiệm tại QĐ 5026/QĐ-UBND	Dự toán từ nguồn thu phí để lại ước thực hiện năm 2025	Số tiết kiệm 10% điều chỉnh	Số nộp bổ sung NSNN	Số tiết kiệm tại QĐ 1356/QĐ-SVHTT ngày 16/10/2025	Số tiết kiệm 10% điều chỉnh	Số nộp bổ sung NSNN	Văn phòng Sở			Ban Quản lý Di tích Danh thắng			Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò			ng tâm HD VH KH Văn Miếu - Quốc Tử Giám		
										Số tiết kiệm tại QĐ 1356/QĐ-SVHTT ngày 16/10/2025	Số tiết kiệm 10% điều chỉnh	Số nộp bổ sung NSNN	Số tiết kiệm tại QĐ 1356/QĐ-SVHTT ngày 16/10/2025	Số tiết kiệm 10% điều chỉnh	Số nộp bổ sung NSNN	Số tiết kiệm tại QĐ 1356/QĐ-SVHTT ngày 16/10/2025	Số tiết kiệm 10% điều chỉnh	Số nộp bổ sung NSNN	Số tiết kiệm tại QĐ 1356/QĐ-SVHTT ngày 16/10/2025	Số tiết kiệm 10% điều chỉnh	Số nộp bổ sung NSNN
A	B	1	2	3	4	5=4-2	6	7	8=7-6	6	7	8=7-6	6	7	8=7-6	6	7	8=7-6	6	7	8=7-6
	TỔNG CỘNG	131.161.000	11.776.000	180.225.000	21.098.000	9.322.000	11.776.000	21.098.000	9.322.000	38.000	38.000	0	2.656.000	6.075.000	3.419.000	606.000	4.160.000	3.554.000	8.476.000	10.825.000	2.349.000
I	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	661.000	38.000	661.000	38.000	0	38.000	38.000	0	38.000	38.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	661.000	38.000	661.000	38.000	0	38.000	38.000	0	38.000	38.000	0			0			0			0
	Trong đó: Dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025	264.000	0	264.000	0	0	0	0	0			0			0			0			0
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0			0			0			0			0
II	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ THÔNG TIN	130.500.000	11.738.000	179.564.000	21.060.000	9.322.000	11.738.000	21.060.000	9.322.000	0	0	0	2.656.000	6.075.000	3.419.000	606.000	4.160.000	3.554.000	8.476.000	10.825.000	2.349.000
-	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	88.470.000	7.108.000	126.008.000	14.240.000	7.132.000	7.108.000	14.240.000	7.132.000			0	964.000	3.015.000	2.051.000	606.000	4.160.000	3.554.000	5.538.000	7.065.000	1.527.000
	Trong đó: Dành nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025	1.175.000	0	1.175.000	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	42.030.000	4.630.000	53.556.000	6.820.000	2.190.000	4.630.000	6.820.000	2.190.000			0	1.692.000	3.060.000	1.368.000	0	0	0	2.938.000	3.760.000	822.000